

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2020/DS-PT  
Ngày: 24-8-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Ngọc Yến

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thu

Bà Trịnh Thị Phúc

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Vĩnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 355/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Công ty TNHH Một thành viên TT.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Trần Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp HT, xã HTĐ, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp HT, xã HTĐ, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 09/10/2019).

***- Bị đơn:*** Ông Mai Tấn Đ, sinh năm 1965.

Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: ấp NK, xã HTT, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

***- Người kháng cáo:*** Bị đơn ông Mai Tấn Đ.

(Bà Thu L, ông Đ có mặt tại phiên tòa; bà U vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 04/9/2019 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên TT, bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:*

Theo quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 28/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh thành lập trạm bơm điện ấp T, NK, Giồng Dung, xã Hậu Thạnh Tây (gọi tắt là trạm bơm điện 2000 Bắc) bà là chủ đầu tư, Phó Ban điều hành trạm bơm. Ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U địa chỉ ấp N, xã HTT, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An có diện tích đất 27.781m<sup>2</sup>, tiền bơm nước từ năm 2012 đến năm 2019 là 49.615.199 đồng nhưng đến nay ông Đ, bà U vẫn không thanh toán tiền cho Công ty TNHH Một thành viên TT.

Công ty TNHH Một thành viên TT yêu cầu ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U thanh toán số tiền 49.615.199 đồng cho công ty TNHH Một thành viên TT.

*Tại bản tự khai ngày 14/10/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U trình bày:*

Ông Đ, bà U thừa nhận có diện tích đất 27.500m<sup>2</sup> tại ấp N, xã HTT, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Năm 2012 vợ chồng ông đồng ý vào trạm bơm điện ấp T, NK, Giồng Dung xã Hậu Thạnh Tây (gọi tắt là trạm bơm điện 2000 Bắc) nhưng không có ký vào hợp đồng bơm điện và bảng báo giá bơm nước. Theo ông bà biết, thỏa thuận với trạm bơm vào năm 2012 với giá 680.000 đồng/01 ha/01 vụ, đất của ông bà làm hai vụ/năm, sang năm 2013 thì phần đất của ông bà cũng chỉ bơm hai vụ.

Trong năm 2014 – 2015, ông bà có cho cháu tên Lê Văn T, địa chỉ ấp NK, xã HTT, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An mượn đất làm nên ông bà không đồng ý đóng tiền bơm nước trong năm 2014 – 2015.

Năm 2016 – 2017, ông bà đồng ý đóng tiền bơm nước theo mức giá quy định trong năm 2016 – 2017 nếu không có bảng giá mới thì đồng ý đóng theo mức giá là 680.000 đồng/01 ha/01 vụ.

Năm 2018 - 2019, ông bà không đồng ý đóng tiền bơm nước vì trạm bơm đã bơm không đạt, chỉ bơm nước hai vụ, không thực hiện việc bơm nước ba vụ như thỏa thuận.

Ông bà chỉ đồng ý trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT tiền bơm nước năm 2012, số tiền 758.000 đồng và tiền bơm nước hai năm 2016 – 2017, số tiền 10.841.000 đồng, tổng cộng là 11.599.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 513, 515, 518, 519 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên TT.

Buộc ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U liên đới hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT số tiền là 49.615.199 đồng. Thời hạn hoàn trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/năm của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U phải chịu 2.480.759 đồng sung ngân sách nhà nước. Ông Trần Văn T không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả 1.240.379 đồng theo lai thu số 0000674 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2020, bị đơn ông Mai Tấn Đ kháng cáo không đồng ý trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT số tiền 49.615.199 đồng. Ông Đ chỉ đồng ý trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT số tiền 11.599.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L tự nguyện hỗ trợ việc vận chuyển lúa, số tiền 1.080.000 đồng của năm 2012 cho ông Đ, bà U nên số tiền Công ty TT yêu cầu ông Đ, bà U thanh toán là 48.535.199 đồng. Bị đơn ông Mai Tấn Đ vẫn giữ yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT số tiền 48.535.199 đồng mà chỉ đồng ý trả cho Công ty TT số tiền 11.599.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất số tiền còn nợ, tại phiên tòa bà Thu L tự nguyện hỗ trợ ông Đ và bà U số tiền 1.080.000 đồng là tiền vận chuyển lúa của năm 2012, số tiền Công ty TT yêu cầu ông Đ và bà U có trách nhiệm trả là 48.535.199 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông Đ chỉ đồng ý trả cho Công ty TT số tiền

11.599.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, bà Thu L không thừa nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Mai Tấn Đ được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị U vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà U.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH một thành viên TT khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ đối với ông Mai Tấn Đ, bà Nguyễn Thị U. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tân Thạnh nên Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Xét kháng cáo của ông Mai Tấn Đ, thấy rằng:

[4.1] Ông Đ kháng cáo không đồng ý trả cho Công ty TNHH một thành viên TT số tiền 49.615.199 đồng mà chỉ đồng ý trả cho Công ty TT số tiền 11.599.000 đồng theo đơn giá 680.000 đồng/01 hecta/01 vụ (tiền bơm nước của năm 2012 và năm 2016, 2017). Năm 2013 vợ chồng ông chỉ sử dụng nước bơm của Công ty TT được hai vụ nên không đồng ý trả tiền nước của năm 2013 như Công ty TT yêu cầu; năm 2014 – 2015 vợ chồng ông cho cháu tên là Lê Văn T thuê đất nên trách nhiệm trả tiền bơm nước hai năm này là của ông T; năm 2018 và năm 2019 trạm bơm đã bơm nước không đạt yêu cầu, không thực hiện bơm nước ba vụ như đã thỏa thuận nên ông không đồng ý trả tiền bơm nước của hai năm này.

Xét thấy, Công ty TNHH một thành viên TT được thành lập theo Quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 28/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An thành lập trạm bơm điện áp T, NK, Giồng Dung xã Hậu Thạnh Tây (gọi tắt trạm bơm điện 2000 Bắc). Ông Mai Tấn Đ, bà Nguyễn Thị U có liên kết và cũng sử dụng nước của trạm bơm từ năm 2012 đến năm 2019 trên diện tích đất 27.781m<sup>2</sup> là có thật.

[4.2] Đối với lời trình bày của ông Mai Tấn Đ: Năm 2012, do Công ty TNHH một thành viên TT đắp hai đập bơm nước cản trở sự vận chuyển lúa của các hộ dân trong đề bao nên đồng ý hỗ trợ tiền vận chuyển bằng cách trả tiền bốc vác một đầu, tiền chuyển lúa số tiền hỗ trợ 80.000 đồng/01 tấn, 01 ha hỗ trợ/07 tấn. Năm 2012 ông được hỗ trợ 2,7ha x 7 x 80.000 đồng = 1.500.000 đồng/01 vụ x 02 vụ. Như vậy ông chỉ phải trả tiền bơm nước cho Công ty TNHH một thành viên TT số tiền 379.000 đồng/vụ x 02 là 758.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Thu L tự nguyện hỗ trợ tiền vận chuyển lúa năm 2012 cho ông Đ và bà U số tiền 1.080.000 đồng (một vụ là 540.000 đồng), nên ghi nhận.

[4.3] Ông Đ trình bày Công ty TNHH một thành viên TT tự ý tăng giá tiền bơm nước, không có họp dân thống nhất bằng văn bản của chính quyền nên ông Đ không đồng ý trả theo giá tiền tăng hơn giá 680.000 đồng/01 ha trong thời hạn 05 năm tính từ năm 2012, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Thu L cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm bản chiết tính nợ tiền bơm nước của ông Đ, bà U từ năm 2012 đến năm 2019 là 49.615.199 đồng và các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh điều chỉnh giá tiền bơm nước hàng năm (từ năm 2011 đến năm 2015), không phải do Công ty TNHH một thành viên TT tự ý tăng giá tiền bơm nước hàng năm. Tại cấp phúc thẩm, bà Thu L cung cấp Danh sách thu tiền bơm nước của 255 hộ dân có sử dụng nước của trạm bơm, trong đó có ông Mai Tấn Đ (danh sách ghi tên Mai Văn Đ) có diện tích đất 27.781m<sup>2</sup>, số tiền bơm nước: Vụ Đông Xuân năm 2012 là 1.889.108 đồng; vụ Hè Thu năm 2012 là 2.286.376 đồng; vụ Đông Xuân năm 2013 là 2.553.630 đồng; vụ Hè Thu năm 2013 là 2.286.376 đồng; vụ Thu Đông năm 2013 là 2.286.376 đồng; vụ Đông Xuân năm 2014 là 2.620.304 đồng; vụ Hè Thu năm 2014 là 2.286.376 đồng; vụ Đông Xuân năm 2015 là 2.973.123 đồng; vụ Hè Thu năm 2015 là 2.639.195 đồng; vụ Đông Xuân năm 2016 là 2.973.123 đồng; vụ Hè Thu năm 2016 là 2.639.195; vụ Thu Đông năm 2016 là 2.639.195 đồng; vụ Đông Xuân năm 2017 là 2.973.123 đồng; vụ Hè Thu năm 2017 là 2.639.195 đồng; vụ Thu Đông năm 2017 là 2.639.195 đồng; vụ Đông Xuân năm 2018 là 2.973.123 đồng; vụ Hè Thu năm 2018 là 2.639.195 đồng; vụ Đông Xuân năm 2019 là 2.973.123 đồng; vụ Hè Thu năm 2019 là 2.639.195 đồng, tổng cộng là 49.548.525 đồng (chưa trừ tiền bà Thu L tự nguyện hỗ trợ ông Đ, bà U là 1.080.000 đồng). Cho nên yêu cầu của ông Đ trả giá tiền bơm nước 680.000 đồng/01 ha là không có căn cứ chấp nhận.

[4.4] Đối với việc ông Đ hoán đổi đất với ông Trần Công T vào năm 2013, diện tích 1500m<sup>2</sup>, đến nay các bên vẫn chưa hoàn tất thủ tục điều chỉnh biên động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Giấy xác nhận ngày 17/8/2020 của ông Huỳnh Văn Đ, công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng – Môi trường xã HTT, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An có nội dung: Qua kiểm tra thực tế và hồ sơ địa chính đất của ông Mai Tấn Đ, sinh năm 1965, thường trú ấp NK, xã HTT, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, thông tin thửa đất như sau: Thửa đất số 542, tờ bản đồ số 10, diện tích 27.981m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng LUC, thửa đất trên ông Mai Tấn Đ sử dụng ổn định (diện tích không biến động, không tranh chấp...), đất trồng lúa từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 12/2019, đất nằm trong khu Trạm bơm điện kênh 2000 bắc. Cho nên lời trình bày của ông Đ rằng đất của ông hiện nay còn ít hơn diện tích 27.981m<sup>2</sup> để trừ tiền bơm nước là không có căn cứ chấp nhận.

[4.5] Còn đối với việc vợ chồng ông Đ cho cháu tên là Lê Văn T thuê đất năm 2014 – 2015, việc trả tiền bơm nước hai năm này là do bên cho thuê và bên thuê đất thỏa thuận với nhau ai có trách nhiệm trả tiền bơm nước hai năm này. Do ông Đ và bà U đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có thỏa thuận đồng ý vào trạm bơm điện ấp T, NK, Giồng Dung, xã Hậu Thạnh Tây (gọi tắt là trạm bơm điện 2000 Bắc) nên Công ty TNHH một thành viên TT yêu cầu ông Đ và bà U hoàn trả cho Công ty số tiền 49.615.199 đồng là có căn cứ.

[4.6] Ông Đ trình bày trong hai năm 2018 và 2019, Công ty TNHH một thành viên TT bơm nước không đạt yêu cầu, không thực hiện bơm nước 03 vụ như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, các hộ dân cùng sử dụng trạm bơm điện của Công ty TNHH một thành viên TT là ông Trần Văn H, ông Phạm Tùng N, ông Trần Văn V có lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và đều xác định lượng nước tưới tiêu đầy đủ, không làm ảnh hưởng đến việc sản xuất lúa trong khu vực trạm bơm cho nên lời trình bày của ông Đ không đồng ý trả tiền bơm nước trong hai năm này là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[4.7] Ngoài ra, các người làm chứng là các ông bà Phạm Tùng N, Hồ Văn N, Phạm Văn K, Nguyễn Thị Ngọc Đ, Võ Thanh V, Trần Văn R cùng cư ngụ ấp NK, xã HTT, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đều xác nhận các ông bà có tên nêu trên có diện tích đất sản xuất nằm trong khu đề bao trạm bơm điện kênh 2000 bắc, có biết đất của ông Mai Tấn Đ, ông Đ sử dụng nước của trạm bơm tưới tiêu sản xuất lúa bình thường. Thời gian sản xuất lúa và giá thu tiền bơm nước qua các năm như sau: Vụ Đông Xuân năm 2012 giá bơm nước 680.000 đồng/ha/vụ, vụ Hè Thu năm 2012 giá nước tăng 823.000 đồng/ha/vụ (năm 2012 bơm nước 02 vụ); năm 2013 bơm nước 03 vụ, giá bơm nước 823.000 đồng/ha/vụ; năm 2014 bơm nước 02 vụ, giá bơm nước 823.000 đồng/ha/vụ; năm 2015 bơm nước 02 vụ, giá bơm nước 955.000 đồng/ha/vụ; năm 2016 bơm nước 03 vụ, giá bơm nước 955.000 đồng/ha/vụ; năm 2017 bơm nước 03 vụ, giá bơm nước 955.000 đồng/ha/vụ; năm 2018 bơm nước 02 vụ, giá bơm nước 955.000 đồng/ha/vụ; năm 2019 bơm nước 02 vụ, giá bơm nước 955.000 đồng/ha/vụ. Công ty TNHH một thành viên TT thu tiền bơm nước đối với các hộ dân dựa trên đơn giá tiền bơm nước do Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An điều chỉnh trên diện tích đất của từng hộ dân sử dụng nước bơm.

Từ những phân tích trên, nhận thấy kháng cáo của ông Mai Tấn Đ chỉ đồng ý trả cho Công ty TNHH một thành viên TT số tiền 11.599.000 đồng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Thu L tự nguyện hỗ trợ tiền vận chuyển lúa năm 2012 cho ông Đ và bà U số tiền 1.080.000 đồng (một vụ là 540.000 đồng x 02 vụ), chỉ yêu cầu ông Đ, bà U liên đới trách nhiệm trả cho Công ty TT số tiền 48.535.199 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Trong vụ án này, nguyên đơn là Công ty TNHH một thành viên TT do ông Trần Văn T là người đại diện hợp pháp theo pháp luật. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Văn T là bà Nguyễn Thị Thu L. Tuy nhiên, tại phần nhận định của Tòa án sơ thẩm: “Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L” là không chính xác, lẽ ra cấp sơ thẩm phải ghi: “Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên TT”. Tại phần quyết định của bản án (mục 5, về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch), Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: “Ông

Trần Văn T không phải chịu án phí...” là không chính xác, lẽ ra cấp sơ thẩm phải ghi: “Công ty TNHH một thành viên TT không phải chịu án phí...”. Nhận thấy, cấp sơ thẩm có sai sót nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, cấp phúc thẩm khắc phục được nên bỏ sung trong bản án phúc thẩm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Tấn Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Tấn Đ.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 513, 515, 518, 519 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên TT.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Một thành viên TT hỗ trợ cho ông Mai Tấn Đ, bà Nguyễn Thị U số tiền 1.080.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Buộc ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U liên đới hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT số tiền là 48.535.199 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn một trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U phải chịu 2.426.759 đồng sung ngân sách nhà nước. Công ty TNHH Một thành viên TT không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả 1.240.379 đồng theo biên lai thu số 0000674, ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số

0000930 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Ngọc Yến**